

CÔNG TY CP KỸ THUẬT & Ô TÔ TRƯỜNG LONG
LÔ 46, ĐƯỜNG SỐ 3, KCN TÂN TẠO, BÌNH TÂN, TP.HCM
MST: 0301384695

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONGĐịa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		372,919,740,524	291,696,372,393
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	79,959,014,748	71,438,742,406
1. Tiền	111		54,959,014,748	36,438,742,406
2. Các khoản tương đương tiền	112		25,000,000,000	35,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54,557,199,696	67,308,371,695
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	47,035,404,767	47,714,665,886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	6,612,080,427	16,355,069,943
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2,670,032,502	4,496,005,866
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1,760,318,000)	(1,257,370,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		233,461,551,263	150,745,462,813
1. Hàng tồn kho	141	V.5	233,585,072,211	150,968,541,033
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(123,520,948)	(223,078,220)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,941,974,817	2,203,795,479
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	2,524,904,902	1,386,984,842
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,417,069,915	816,810,637
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59,043,955,380	51,376,887,563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn khác	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21,329,028,445	49,708,973,176
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	20,626,780,461	20,094,848,166
<i>Nguyên giá</i>	222		39,478,297,284	36,429,264,302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(18,851,516,823)	(16,334,416,136)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	702,247,984	29,614,125,010
<i>Nguyên giá</i>	228		1,044,839,869	34,432,566,261
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(342,591,885)	(4,818,441,251)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7,700,485,889	40,000,000
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	7,700,485,889	40,000,000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		30,014,441,046	1,627,914,387
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	29,726,545,071	1,363,643,728
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		195,051,575	181,426,259
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		92,844,400	82,844,400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		431,963,695,904	343,073,259,956



 CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		257,891,187,488	195,842,055,980
I. Nợ ngắn hạn	310		257,014,852,977	195,017,391,167
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	89,034,983,797	108,118,447,483
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		104,848,266,444	70,494,124,319
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	11,276,520,317	7,479,177,792
4. Phải trả người lao động	314		4,849,212,952	5,162,364,908
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		77,601,117	630,542,114
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	41,540,253,454	637,091,885
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		37,732,286	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	5,350,282,610	2,495,642,666
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		876,334,511	824,664,813
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12	876,334,511	824,664,813
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ cho thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174,072,508,416	147,231,203,976
I. Vốn chủ sở hữu	410		174,072,508,416	147,231,203,976
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	80,000,000,000	80,000,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a			
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-

032.
 .TY
 IAN
 VÀ O
 NG DON
 IP HO

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2015

11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	94,072,508,416	67,231,203,976
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		32,108,236,432	4,771,853,100
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61,964,271,984	62,459,350,876
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		431,963,695,904	343,073,259,956

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Đặng Thị Thanh Hiếu
Người lập bảng

Trần Thu Hằng
Kế toán trưởng



Lã Thị Thanh Phương
Phó Giám đốc điều hành



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ III/2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	472,324,010,002	205,904,934,800	1,260,856,946,842	433,551,514,743
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		0	0	(22,727,272)	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	472,324,010,002	205,904,934,800	1,260,834,219,570	433,551,514,743
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	411,711,582,276	187,298,421,010	1,114,858,111,374	400,579,430,999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60,612,427,726	18,606,513,790	145,976,108,196	32,972,083,744
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	469,274,564	405,231,092	768,335,371	1,070,937,462
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	298,325,822	53,106,865	561,903,670	519,873,977
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3,434,935	53,106,865	86,961,295	426,899,885
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	7,649,188,546	5,033,786,378	20,710,220,407	12,484,426,826
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5,126,266,289	3,434,479,313	15,306,276,252	9,500,622,379
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48,007,921,633	10,490,372,326	110,166,043,238	11,538,098,024
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3,521,173,552	3,779,578,818	21,239,205,524	16,848,836,638
12. Chi phí khác	32		642,078,475	4,450,000	644,580,398	4,450,000
13. Lợi nhuận khác	40		2,879,095,077	3,775,128,818	20,594,625,126	16,844,386,638
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50,887,016,710	14,265,501,144	130,760,668,364	28,382,484,662
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		11,195,143,676	2,174,833,159	28,810,021,696	5,396,102,707
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				(13,625,316)	(2,310,258)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39,691,873,034	12,090,667,985	101,964,271,984	22,988,692,213
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4,961	1,511	12,746	2,874

(Handwritten signature)

Đặng Thị Thanh Hiếu
 Người lập bảng

(Handwritten signature)

Trần Thu Hằng
 Kế toán trưởng



ngày 20 tháng 10 năm 2015

Là Thị Thanh Phương
 Phó Giám đốc điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VNĐ

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,446,619,453,250	693,846,238,854
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1,243,011,234,349)	(612,135,108,386)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32,231,260,274)	(13,305,866,501)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3,897,345,204)	(4,678,165,465)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(24,000,341,934)	(4,411,091,459)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		40,618,691,031	71,159,170,726
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(126,867,170,970)	(65,587,204,710)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20		57,230,791,550	64,887,973,059
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3,049,032,982)	(193,367,577)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			0
4. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị k	24			0
5. Tiền thu hồi tiền gửi/đầu tư ngắn hạn	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10,000,000,000	4,108,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		339,307,711	239,008,026
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		7,290,274,729	4,153,640,449
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã]	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38,670,819,937)	(51,194,036,182)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17,329,974,000)	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(56,000,793,937)	(51,194,036,182)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8,520,272,342	17,847,577,326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi			0	0
Tiền tồn đầu kỳ	60		71,438,742,406	42,270,420,266
Tiền tồn cuối kỳ	70		79,959,014,748	60,117,997,592

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Đặng Thị Thanh Hiếu
Người Lập Bảng

Trần Thu Hằng
Kế toán trưởng



Là Thị Thanh Phương
Phó Giám đốc điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 3 NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xe ô tô, xe chuyên dùng và phụ tùng xe các loại, Đại lý ký gửi hàng hóa, Dịch vụ thương mại, Cho thuê xe các loại, Sửa chữa ô tô, Thiết kế, thi công, cải tạo đóng mới các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ, Sản xuất xe chuyên dùng, gia công cơ khí, Bảo trì các phương tiện vận tải cơ giới đường bộ, Đại lý bảo hiểm.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 239 nhân viên đang làm việc.
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 Công ty có 344 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ("Thông tư 200") cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2015

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định như sau:

- Giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa được tính theo giá bình quân gia quyền. Riêng đầu xe và thân xe được tính theo phương pháp thực tế đích danh.
- Giá trị sản phẩm dở dang bao gồm chi phí của đầu xe, thân xe, nguyên liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
- Giá thành phẩm được tính theo phương pháp thực tế đích danh bao gồm chi phí của xe sau khi lắp đặt và chế tạo thân xe.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03-25
Máy móc và thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	03

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc. Công ty không trích khấu hao cho chi phí quyền sử dụng đất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2015

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan trực tiếp tới đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2014 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 40 đến 47 năm.

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ khi cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2015

chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2015

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	432.897.255	490.797.321
Tiền gửi ngân hàng	54.526.117.523	35.947.945.085
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	<u>79.959.014.748</u>	<u>71.438.742.406</u>

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	37.450.876.462	45.199.925.886
b) Phải thu Công ty LD TNHH Hino Motors VN	7.069.788.305	-
c) Phải thu khách hàng dài hạn	2.514.740.000	2.514.740.000
d) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	<u>47.035.404.767</u>	<u>47.714.665.886</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
e) Trả trước cho nhà cung cấp xe	1.663.825.524	11.448.396.830
f) Trả trước tiền thuê đất CN Miền Trung	-	600.000.000
g) Các nhà cung cấp khác	4.948.254.903	4.306.673.113
Cộng	<u>6.612.080.427</u>	<u>16.355.069.943</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP TV DV TM địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	384.913.311	384.913.311
Tạm ứng	322.542.984	2.729.814.935
Ký quỹ, ký cược	266.220.000	87.500.000
Lãi dự thu	457.737.330	486.051.000
Phải thu bộ phận đăng ký xe	1.111.252.078	626.378.418
Phải thu ngắn hạn khác	127.366.799	181.348.202
Cộng	<u>2.670.032.502</u>	<u>4.496.005.866</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2015

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	145.491.554.861	93.848.179.842
Công cụ, dụng cụ	101.720.936	26.082.048
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	67.633.031.244	42.993.531.703
Thành phẩm	20.355.454.170	14.098.227.440
Hàng hóa	3.311.000	2.520.000
Cộng	233.585.072.211	150.968.541.033

6. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2.524.904.902	1.386.984.842
- Chi phí văn phòng	1.969.205.528	835.919.721
- Chi phí Công cụ dụng cụ	555.699.374	551.065.121
b) Dài hạn	29.726.545.071	1.363.643.728
- Chi phí văn phòng	1.079.238.973	1.085.163.935
- Chi phí Công cụ dụng cụ	397.954.793	278.479.793
- Chi phí đất trả trước	28.249.351.305	-

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.556.813.362	3.860.843.364	3.742.507.612	234.226.964	34.873.000	36.429.264.302
Mua sắm mới	-	592.447.527	2.456.585.455	-	-	3.049.032.982
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối quý	28.556.813.362	4.453.290.891	6.199.093.067	234.226.964	34.873.000	39.478.297.284
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	11.341.362.441	2.959.050.794	1.815.017.760	184.112.141	34.873.000	16.334.416.136
Khấu hao trong kỳ	1.824.290.198	315.999.566	358.188.519	18.622.404	-	2.517.100.687
Số cuối quý	13.165.652.639	3.275.050.360	2.173.206.279	202.734.545	34.873.000	18.851.516.823
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.215.450.921	901.792.570	1.927.489.852	50.114.823	-	20.094.848.166
Số cuối quý	15.391.160.723	1.178.240.531	4.025.886.788	31.492.419	-	20.626.780.461

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2015

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	34.008.726.392	340.496.480	83.343.389	34.432.566.261
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Phân loại lại (*)	(33.387.726.392)	-	-	(33.387.726.392)
Số cuối kỳ	621.000.000	340.496.480	83.343.389	1.044.839.869
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	4.528.064.860	207.033.002	83.343.389	4.818.441.251
Khấu hao trong kỳ	610.310.227	52.215.494	-	662.525.721
Phân loại lại (*)	(5.138.375.087)	-	-	(5.138.375.087)
Số cuối kỳ	-	259.248.496	83.343.389	342.591.885
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	29.480.661.532	133.463.478	-	29.614.125.010
Số cuối kỳ	621.000.000	81.247.984	-	702.247.984

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004, ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn trong kỳ (Thuyết minh V6)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí dở dang bao gồm tiền thuê đất và xây dựng công trình: “Trung tâm Hino 3S” tại Chi nhánh Miền Trung.

10. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Các khoản phải trả ngắn hạn		
Phải trả nhà cung cấp xe và phụ tùng xe	65.498.572.264	97.581.012.027
Phải trả nhà cung cấp Cầu Tadano	9.929.675.080	1.894.718.280
Phải trả nhà cung cấp khác	8.741.861.262	3.920.965.769
b) Các khoản phải trả khác		
Phải trả tiền mua đất Vĩnh Long	4.864.875.191	4.721.751.407
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	89.034.983.797	108.118.447.483

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	-	963.516.052
Thuế nhập khẩu	-	776.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.191.182.679	6.381.502.917
Thuế thu nhập cá nhân	85.337.638	133.382.823
Cộng	11.276.520.317	7.479.177.792

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2015

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	41.540.253.454	637.091.885
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	191.638.778	144.398.217
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.348.614.676	481.685.668
Cổ tức 2015 phải trả (*)	40.000.000.000	-
b) Dài hạn	876.334.511	824.664.813
Trợ cấp mất việc làm	876.334.511	824.664.813

(*) Cổ tức phải trả liên quan đến tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền mặt theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị ngày 21 tháng 9 năm 2015. Theo đó, một cổ phiếu nhận được 5.000 đồng cổ tức. Thời gian dự kiến thanh toán là tháng 11 hoặc tháng 12 năm 2015.

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.113.161.220	2.498.374.035	165.000.000	3.446.535.255
Quỹ phúc lợi	1.382.481.446	624.593.509	103.327.600	1.903.747.355
Cộng	2.495.642.666	3.122.967.544	268.327.600	5.350.282.610

14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư ngày 01/01/2015	80.000.000.000	67.231.203.976	147.231.203.976
Lợi nhuận trong kỳ	-	101.964.271.984	101.964.271.984
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	(3.122.967.544)	(3.122.967.544)
Chia cổ tức trong kỳ	-	(72.000.000.000)	(72.000.000.000)
Số dư đến ngày 31/03/2015	80.000.000.000	94.072.508.416	174.072.508.416

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 3/2015

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.260.856.946.842	433.551.514.743
Các khoản giảm trừ doanh thu	(22.727.272)	-
Doanh thu thuần (*)	1.260.834.219.570	433.551.514.743

(*) Doanh thu tăng trưởng 191 % so với cùng kỳ năm trước.

2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng	1.114.858.111.374	400.579.430.999

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2015

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	759.088.499	1.049.561.929
Doanh thu khác	9.246.872	21.375.533
Cộng	768.335.371	1.070.937.462

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	86.961.295	426.899.885
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	417.330.175	60.551.572
Khác	57.612.200	32.422.520
Cộng	561.903.670	519.873.977

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.054.321.159	2.758.625.569
Chi phí CCDC, khấu hao tài sản cố định	731.104.691	492.981.343
Chi phí hoa hồng	6.681.980.356	2.028.466.735
Chi phí hội nghị khách hàng	1.639.497.051	789.900.473
Chi phí bán hàng khác	5.603.317.150	6.414.452.706
Cộng	20.710.220.407	12.484.426.826

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	9.588.300.111	5.156.993.946
Chi phí CCDC, khấu hao tài sản cố định	1.890.060.678	1.901.745.051
Chi phí khác	3.827.915.463	2.441.883.382
Cộng	15.306.276.252	9.500.622.379

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thưởng từ nhà cung cấp	19.463.098.414	15.659.080.456
Tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.764.012.212	1.181.818.182
Tiền khác	12.094.898	7.938.000
Cộng	21.239.205.524	16.848.836.638

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2015

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- **Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm : Các thành viên hội đồng quản trị và Ban giám đốc:**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương BGD	1.526.271.601	990.991.334
Thù lao HĐQT & BKS	850.000.000	530.000.000
Cộng	2.376.271.601	1.520.991.334

- **Giao dịch với các bên liên quan khác**

Trong kỳ, Công ty chỉ có giao dịch với bên liên quan là Sumitomo Corporation.

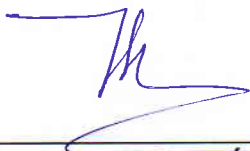
Trong 9 tháng đầu năm 2015, Công ty đã chi Cổ tức cho Sumitomo Corporation là : 5.120.000.000(đ).


Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với Sumitomo Corporation như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	9.375.435.850	4.317.965.580

Giá mua hàng hóa của Sumitomo Corporation là giá thỏa thuận.

TP, Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2015


Đặng Thị Thanh Hiếu
Người lập bảng


Trần Thu Hằng
Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Phương
Phó Giám đốc điều hành



TRƯỜNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Trụ sở chính TP.HCM: Lô 46, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM – ĐT: 08 3754 3188 – Fax: 08 3754 31899
CN Vĩnh Long: Lô A11, A12, 1A, 1B, KCN Bình Minh, H. Bình Minh, T. Vĩnh Long – ĐT 070 3765555 – Fax: 070 3742244.

TP.HCM, Ngày 20 tháng 10 năm 2015

THƯ GIẢI TRÌNH

(Về việc lợi nhuận sau thuế quý 3/2015 tăng so với lợi nhuận sau thuế quý 3/2014)

- Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán

Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô Tô Trường Long giải trình về việc lợi nhuận sau thuế năm quý 3/2015 tăng mạnh so với quý 3/2014:

Lợi nhuận sau thuế quý 3/2015	Lợi nhuận sau thuế quý 3/2014	Tỉ lệ tăng
39.691.873.034	12.090.667.985	228%

Lí do:

- Nhu cầu xe tải và xe chuyên dụng của thị trường tiếp tục tăng . Vì vậy, số lượng xe bán tăng cao so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu tăng trưởng 129% dẫn đến lợi nhuận tăng cao so với quý 3/2014.

Trân trọng,



P.GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương

